

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-5-2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Dũng;

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1191/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2020/QĐ-ST ngày 05 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1975; địa chỉ: 240/2/15 đường C, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn H1, sinh năm 1970; địa chỉ: 240/2/15 đường C, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà và ông Hoàng Văn H1 quen biết nhau năm 1997, đến năm 1999 thì tổ chức lễ cưới, làm tờ khai đăng ký kết hôn và chung sống cùng nhau như vợ chồng. Do bà và ông H1 không hiểu biết pháp luật nên không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, bà và ông H1 phát sinh Nền mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến xảy ra cãi vã. Những lúc vợ chồng bất hòa thì ông H1 thường dùng vũ lực với bà. Hơn nữa, ông H1 còn có mối quan hệ với người phụ nữ khác, không tôn trọng bà. Bà cũng Nền lần nói chH1ện, kH1ên bảo ông

H1 để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông H1 không thay đổi, vì vậy tình cảm giữa bà và ông H1 ngày càng giảm sút. Từ năm 2017 đến nay, bà không còn chung sống như vợ chồng với ông H1. Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông H1, yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Hoàng Văn H1.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà và ông H1 có 02 (hai) con chung tên Hoàng Thị H N, sinh ngày 07-01-2000 và Hoàng H1 N, sinh ngày 08-10-2003. Cháu N đã trên 18 tuổi, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, việc cấp dưỡng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hoàng Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tiến hành các thủ tục tố tụng đối với bị đơn ông Hoàng Văn H1 theo đúng quy định nhưng ông H1 vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông H1 là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các quy định pháp luật về Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Hoàng Văn H1 và được trực tiếp nuôi con chung nên đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Hoàng Văn H1 có nơi cư trú tại thành phố V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Hoàng Văn H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông H1.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Theo bà H trình bày: Năm 1999, bà và ông H1 tự nguyện tổ chức lễ cưới, làm tờ khai đăng ký kết hôn và chung sống cùng nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, bà và ông H1 phát sinh Nều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến xảy ra cãi vã. Những lúc vợ chồng bất hòa thì ông H1 thường dùng vũ lực với bà. Hơn nữa, ông H1 còn có mối quan hệ với người phụ nữ khác, không tôn trọng bà. Bà cũng Nều lần nói chH1ên, kH1ên bảo ông H1 để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông H1 không thay đổi, vì vậy tình cảm giữa bà và ông H1 ngày càng sa sút. Từ năm 2017 đến nay, bà không còn chung sống như vợ chồng với ông H1. Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông H1, yêu cầu ly hôn với ông H1.

Kết quả xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi ông H1, bà H đăng ký thường trú cho biết: Bà H và ông H1 không có đăng ký kết hôn tại địa pH. Căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Hoàng Văn H1.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng: Bà H và ông H1 có 02 (hai) con chung tên Hoàng Thị H N, sinh ngày 07-01-2000 và Hoàng H1 N, sinh ngày 08-10-2003. Cháu N đã trên 18 tuổi, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, việc cấp dưỡng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, cháu N hiện đang chung sống cùng bà H, cháu được đi học, phát triển bình thường, được bà H chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng và triệu tập ông H1 đến làm việc nhưng ông không tham dự cũng như không có ý kiến phản hồi, cho thấy ông không quan tâm đến tâm tư nguyện vọng của bà H. Nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của cháu N và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc bà H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu N.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Ông H1 không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Hoàng Văn H1.

Về con chung, cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng H1 N, sinh ngày 08-10-2003 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, có khả năng lao động; việc cấp dưỡng nuôi con bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Hoàng Văn H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu N mà không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà H phải chịu 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0003036 ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; bà H đã nộp xong án phí.

Ông Hoàng Văn H1 không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trà My